

Bản án số: 58/2025/HS-PT
Ngày 25-11-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Văn Đàm**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Xuân**, ông **Lâm Anh Luyện**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Đặng Lê Thúy Nga** - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Văn Tính** - Kiểm sát viên.

Ngày 25/11/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang (cơ sở 2), xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 69/2025/TLPT-HS ngày 04/11/2025 do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trung K và người đại diện hợp pháp của bị hại ông Lù Văn C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2025/HS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Trung K**, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2004 tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (nay là tỉnh Lào Cai); địa chỉ: Thôn Ngòi Viễn, xã Xuân Ái, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (nay là Thôn Ngòi Viễn, xã Xuân Ái, tỉnh Lào Cai); nghề nghiệp: Lao động tự do; CCCD số: 015204006362, do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 31 tháng 5 năm 2021; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo (Đạo Thiên chúa); chức vụ, đoàn thể: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân Năng, sinh năm 1983; con bà Nguyễn Thị Phương, sinh năm 1985; vợ, con: chưa có; anh chị em ruột: gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không.

Bị cáo K được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ khi khởi tố vụ án, hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. (Có mặt).

- **Bị hại:** Anh **Lù Văn T**, sinh ngày 10/8/2008; địa chỉ: Thôn Ch, xã Đồng Tâm, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang (nay là Thôn Ch, xã Đồng Tâm, tỉnh Tuyên Quang). (Có mặt).

- **Người đại diện hợp pháp của bị hại (có kháng cáo):** Ông **Lù Văn C**, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn Ch, xã Đồng Tâm, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang (nay là Thôn Ch, xã Đồng Tâm, tỉnh Tuyên Quang); là bố đẻ của bị hại. (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Lù Văn T: Luật sư Cao Xuân Bé* - Cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước số 2 tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2022, Nguyễn Trung K đi cùng bố mẹ đến Thôn C, xã Đồng Tiến, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang (nay là Thôn C, xã Đồng Tâm, tỉnh Tuyên Quang) sinh sống. Trong thời gian này, K quen biết và chơi cùng Trương Văn B. Khoảng 20 giờ, ngày 13/4/2022, K rủ B đi chơi điện tử tại xã Đồng Tâm, tỉnh Tuyên Quang, B đồng ý. K tự ý lấy xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVES, màu sơn đen trắng, biển kiểm soát: 23D1 - 35882 của Nguyễn Xuân Năng (*là bố đẻ K*), chở B đi từ nhà đến xã Đồng Tâm. Khi đi đến khu vực cổng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đồng Tiến, K gặp các bạn, gồm: Lý Thanh C1, Trần Văn D, Trương Văn Kh, Bàn Văn T. K và B dừng xe, nói chuyện, chơi điện thoại cùng các bạn. Khoảng 21 giờ cùng ngày, Giàng Seo Ch1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA DREAM, biển kiểm soát: 23L9-5484 chở theo Lù Văn T ngồi giữa, Giàng Seo Tân ngồi sau và Giàng Minh H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu DREAM, biển kiểm soát 23H2-4298 chở theo Tải Văn Kh1 cùng nhau đi qua khu vực cổng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Đồng Tiến. Lúc này, do đoạn đường lên dốc, H và Ch1 vận mạnh tay ga xe mô tô phát ra tiếng xe kêu to. Nghĩ rằng mình bị khiêu khích, K nói với B lên xe, rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 23D1-35882 đuổi theo xe của Ch1 và H, mục đích để đánh, đe dọa. Thấy có người lạ đuổi theo sau, lo sợ bị đánh, Ch1 và H tăng ga bỏ chạy về hướng xã Đồng Tâm. Khi đi được khoảng 02 km, K và B đuổi kịp xe mô tô biển kiểm soát 23H2-4298 do H điều khiển. K điều khiển xe mô tô đi song song, áp sát phía bên trái xe của H. Lúc này, K dùng chân phải đạp 01 (một) phát vào phần đầu xe bên trái của xe mô tô biển kiểm soát 23H2-4298, H phanh xe dừng lại. Đồng thời, B ngồi sau xe, dùng tay phải tát 01 (một) phát trúng vào phần má bên trái của Kh. K tiếp tục điều khiển xe mô tô tiến lên phía trước chặn đầu xe của H, B từ sau xe nhảy xuống đường. H bất ngờ tăng ga, điều khiển xe mô tô vượt lên phía bên trái xe mô tô của K, bỏ chạy về hướng xã Đồng Tâm. Cùng lúc đó, Tân ngồi phía sau xe mô tô biển kiểm soát: 23L9-5484 do Ch1 điều khiển, nhìn thấy việc xe của H bị K chặn đánh (*xe Ch1 cách vị trí xe H khoảng 44,2m*) nên đã nói với Ch1. Ch1 quay lại nhìn thấy xe mô tô của H tăng ga bỏ chạy, nên cũng điều khiển xe mô tô chạy về hướng xã Đồng Tâm. K tiếp tục điều khiển xe mô tô chở B đuổi theo. Khi đi đến khu vực cổng trường xã Đồng Tâm, H điều khiển xe mô tô vượt qua xe mô tô của Ch1. Khi đi đến đoạn đường thuộc địa phận Thôn Cốc Héc, xã Trung tâm hành, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, K nhìn thấy xe mô tô biển kiểm soát: 23L9-5484 do Ch1 điều khiển đi cùng chiều phía trước, nên đã điều khiển xe mô tô di chuyển từ phần đường bên phải (*theo hướng đi xã Đồng Tâm*) đi sang phần đường bên trái, áp sát phía bên phải (*cách xe mô tô của Ch1 khoảng 50cm*) và đi song song với xe của Ch1 ở phần đường bên trái. Quá trình di chuyển song song trên đường (*khoảng*

19,2m), K liên tục bấm còi, vít ga yêu cầu Ch1 dừng xe. Sau đó, K dùng chân trái đạp 01 (một) phát vào giá đèo hàng bên phải đuôi xe của Ch1, nhằm mục đích không cho xe Ch1 di chuyển tiếp. Do bị đạp trúng nên Ch1 không điều khiển được xe mô tô, dẫn đến xe loạng choạng rồi đổ trượt trên mép đường bên trái khoảng hơn 10 mét. Sau khi đạp vào xe Ch1, K điều khiển xe mô tô đi tiếp, B quay lại nhìn thấy phần đầu xe mô tô do Ch1 điều khiển rung lắc, loạng choạng lao về phía ta-luy dương bên trái đường, nghe thấy tiếng xe đổ. B với K quay lại thì thấy Ch1, T và T1 bị thương nằm ở dưới rãnh thoát nước bên đường. K gọi điện cho T và các bạn đến giúp đưa Ch1, T và T2 đi cấp cứu.

Tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 65/TgT ngày 05/10/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang đối với Giàng Seo Ch1 kết luận:

+ Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 0% (*không phần trăm*).

+ Cơ chế hình thành vết thương: Các thương tích trên cơ thể của Giàng Seo Ch1 do vật tày tác động một lực vừa, hoặc có vật cản, gây nên bầm tím, không tổn thương xương.

Tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 66/TgT ngày 05/10/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang đối với Giàng Seo T2 kết luận:

+ Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 02%. (*Hai phần trăm*).

+ Cơ chế hình thành vết thương: Tổn thương vùng đỉnh phải: Do vật tày tác động một lực vừa hoặc có vật cản, vuông góc với mặt da, gây nên rách da để lại sẹo, không tổn thương xương. Tổn thương gót chân phải: Do vật tày tác động một lực mạnh, hướng vuông góc với mặt da, gây nên rách da để lại sẹo, không tổn thương xương.

Tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 64/TgT ngày 31/10/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang đối với Lù Văn T kết luận:

+ Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 42%. (*Bốn mươi hai phần trăm*).

+ Cơ chế hình thành thương tích:

Chấn thương sọ não: Do đầu tác động với vật tày một lực rất mạnh gây nên rách da vùng trán đỉnh phải, vỡ xương thái dương và xương chũm hai bên, chảy máu dưới màng cứng - màng nhện.

Vết thương, sẹo 02, sẹo 03 (vùng *châm*): Do tỳ đè gây nên (*bệnh nhân nằm điều trị lâu ngày*).

Quá trình điều trị thương tích cơ sở y tế đã phẫu thuật mở khí quản, đặt ống Canuyn vùng cổ để cho Lù Văn T có thể thở, đối với tổn thương do phẫu thuật này thời điểm giám định chưa đủ cơ sở để kết luận mức độ tổn hại sức khỏe của vết thương nên khi hết thời hạn điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm đình chỉ điều tra vụ án và tạm đình chỉ điều tra bị cáo để có thời gian cho bị hại T tiếp tục điều trị

phục hồi. Căn cứ vào kết quả điều trị, Cơ quan điều tra đã giám định bổ sung đối với vết thương tại vùng cổ của T. Tại Bản kết luận giám định bổ sung tổn thương trên cơ thể người sống số 179/KLTTCT-TTPY ngày 20/11/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang kết luận:

+ Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lù Văn T tại thời điểm giám định bổ sung là: 28%. (*Hai mươi tám phần trăm*). Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lù Văn T tại bản kết luận giám định pháp y thương tích số: 64/TgT-TTPY và bản kết luận giám định pháp y thương tích bổ sung số: 179/KLTTCT-TTPY: 58%. (*Năm mươi tám phần trăm*)

+ Cơ chế hình thành vết thương: Tổn thương đặt ống Canuyn vùng cổ do phẫu thuật mở khí quản để thở.

Từ nội dung trên, Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2025/HS-ST ngày 26/9/2025 Tòa án nhân dân khu vực 4 -Tuyên Quang đã xét xử: Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm a, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 119; khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên; Điều 30; Điều 123; Điều 136; Điều 331; Điều 332; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung K phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Tiếp tục áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Trung K để đảm bảo thi hành án.

3. Trách nhiệm dân sự: Tách phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại Lù Văn T và người đại diện hợp pháp của bị hại Lù Văn T là ông Lù Văn C để giải quyết bằng vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự, khi bị hại, đại diện bị hại có yêu cầu.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, ngày 29/9/2025, người đại diện hợp pháp của bị hại Lù Văn T là ông Lù Văn C có đơn kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2025/HS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 -Tuyên Quang, nội dung kháng cáo: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét tăng nặng hình phạt cho bị cáo mức hình phạt cao nhất, lý do: bị cáo K phạm tội với người dưới 16 tuổi, phạm tội có tính chất côn đồ gây nguy hiểm cho xã hội; bị cáo không có dấu hiệu ăn năn hối lỗi; bị cáo chưa đến hỏi thăm bị hại chưa giải quyết phần dân sự đối với bị hại.

Ngày 07/10/2025, bị cáo Nguyễn Trung K có đơn kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2025/HS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu

vực 4 -Tuyên Quang, nội dung kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo, lý do vì khi phạm tội còn là vị thành niên nên nhận thức và hiểu biết pháp luật còn hạn chế.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo thừa nhận toàn bộ diễn biến, hành vi phạm tội “Cố ý gây thương tích” của bị cáo đúng như bản án sơ thẩm đã nêu. Vẫn giữ nguyên quan điểm nội dung kháng cáo đã trình bày cụ thể trong đơn kháng cáo đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo để bị cáo ở địa phương lao động lấy tiền bồi thường cho bị hại.

Người đại diện hợp pháp của bị hại là ông Lù Văn C giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo. Ông không có ý kiến gì về việc cấp sơ thẩm tách phần yêu cầu bồi thường thiệt hại, sau khi thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để chứng minh thiệt hại, gia đình ông sẽ khởi kiện thành vụ án dân sự khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm: Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2025/HS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang xét xử bị cáo Nguyễn Trung K về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; mức hình phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2025/HS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang.

- Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung K phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

- Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm a, b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 91 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 119; khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên, xử phạt bị cáo 04 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Nguyễn Trung K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Phản tranh luận: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại nhất trí quan điểm của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận.

Khi nói lời sau cùng, bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại làm trong hạn luật định là hợp lệ, đúng theo quy định tại các Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, những người kháng cáo có quan điểm: nội dung bản án sơ thẩm đã nêu là đúng với diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo; bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tuyên bố bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại ông Lù Văn C không kháng cáo về tội danh và điều luật áp dụng. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cố ý gây thương tích là vi phạm pháp luật, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác, Đồng Thời ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, cần xử lý bị cáo mức án nghiêm minh, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, biết tôn trọng, chấp hành pháp luật, Đồng Thời đấu tranh phòng ngừa tội phạm Ch1 trong xã hội. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi xảy ra sự việc bị cáo đã điện thoại gọi người đến giúp và cùng đưa các bị hại đi cấp cứu nhằm hạn chế thiệt hại do hành vi của mình gây ra; ngoài ra, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho các bị hại, gia đình các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có ông nội là người có công với cách mạng nên Toà án cấp sơ thẩm đã cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm a, b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại thời điểm phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên cấp sơ thẩm đã áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội về hình phạt tù có thời hạn quy định tại Điều 91 Bộ luật hình sự; Điều 119; khoản 2 Điều 179 Luật tư pháp người chưa thành niên. Căn cứ vào nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức hình phạt 04 năm tù đối với bị cáo là thoả đáng, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, không cao. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo không bổ sung được các tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh kháng cáo của mình là có căn cứ. Do vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

[4] Xét nội dung kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại ông Lù Văn C đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét tăng nặng hình phạt cho bị cáo mức hình phạt cao nhất, Hội đồng xét xử căn cứ những nhận định ở mục [3] đề xác

định mức hình phạt 04 năm tù đối với bị cáo là thoả đáng. Do vậy, không có đủ cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Lù Văn C về việc tăng mức hình phạt đối với bị cáo.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự để không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại ông Lù Văn C; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 21/2025/HS-ST ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 -Tuyên Quang.

[6] Quan điểm, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trung K không được chấp nhận nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Nguyễn Trung K phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Lù Văn C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trung K và người đại diện theo pháp luật của bị hại là ông Lù Văn C, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2025/HS-ST, ngày 26/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung K phạm tội: “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt: Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 134; các điểm a, b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 91 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 119; khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên, xử phạt bị cáo 04 (bốn) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Nguyễn Trung K phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm. Ông Lù Văn C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 4 - Tuyên Quang;
- PC10, PV 06 Công an tỉnh;
- THADS khu vực 4 - Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Đàm